| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số**: 34**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2019
V/v tranh chấp:" *Ly hôn*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Ngọc Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Ông Trần Hùng Bích

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2019/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp: "*Ly hôn*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1980

Địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh T. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hồ Nhựt T, sinh năm 1977

Địa chỉ: khóm A, phường T, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:* Chị và anh Hồ Nhựt T do mai mối và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X, tỉnh G cấp giấy kết hôn ngày 22/12/2010, đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị và anh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà chồng ở phường T, thành phố X, tỉnh G, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng, anh chị sống ly thân đến năm 2014 thì chị P cùng anh T chung sống lại với nhau ở nhà của anh T tại phường T và đến tháng 5/2018 thì cả hai sống ly thân với nhau. Nguyên nhân là do anh T không có

công việc làm, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, giữa vợ chồng không hòa thuận cũng như không hạnh phúc. Nay, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Nhựt T

+ Về quan hệ con chung: Không có.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/3/2019 với nội dung yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị vì hiện đang đi làm cho công ty ở Thành phố M nên việc đi lại khó khăn và xin nghỉ không thuận tiện.

*- Phần trình bày của bị đơn anh Hồ Nhựt T: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày*

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hồ Nhựt T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích P với anh Hồ Nhựt T, về quan hệ con chung chị P trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 20/3/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị P là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Anh Hồ Nhựt T mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Bích P khởi kiện xin ly hôn với anh Hồ Nhựt T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1

Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 20/3/2019, chị Nguyễn Thị Bích P có ý kiến trình bày chị và anh T do mai mối và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 329, cấp ngày 22/12/2010. Theo chị P trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng, chị P và anh T đã sống ly thân nhưng đến năm 2014 thì anh chị chung sống lại với nhau đến tháng 5/2018 thì cả hai sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do anh T không có công việc làm, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, giữa vợ chồng không hòa thuận cũng như không hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh T được tống đạt các văn bản nhưng anh T không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị P xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị P không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh T, còn anh T không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị P với anh T không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2018 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích P và anh Hồ Nhựt T.

[4] *Về con chung:* Nguyên đơn chị P trình bày trong thời gian sống chung giữa chị và anh Hồ Nhựt T không có con chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nhưng anh T không có ý kiến trình bày và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị P trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích P đối với anh Hồ Nhựt T

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích P đối với anh Hồ Nhựt T.

2. *Về nuôi con chung:* Chị P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Nguyễn Thị Bích P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010782 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 28/12/2018. Chị P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Hồ Nhựt T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bích P, anh Hồ Nhựt T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

**Trịnh Ngọc Thúy**